

Phụ lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM, ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO VÀ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH DO BỘ NGOẠI GIAO CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

(Kèm theo Thông tư số 10 /2026/TT-BNG ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Bộ Ngoại giao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi	Ghi chú
A	Xây dựng, soạn thảo, thẩm định thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ¹			
I	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư quy định tại mục III Phụ lục II Nghị quyết 197/2025/QH15; thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư trở lên	Thông tư được ban hành	350	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Hồ sơ dự thảo thông tư (gồm các sản phẩm tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10, 1.11, 1.12, 1.13)	Tối đa 248	
1.1	Xây dựng dự thảo Tờ trình	Dự thảo Tờ trình	30	
1.2	Xây dựng dự thảo thông tư lần đầu	Dự thảo thông tư	50	
1.3	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển	12	

¹ Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định không ban hành thông tư đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp hoặc đã kết thúc năm tài chính mà thông tư chưa được ban hành, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động là dự thảo các tài liệu.

		khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
1.4	So sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	12	
1.5	Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	12	
1.6	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư ²	Văn bản tham gia ý kiến	20 ³	
1.7	Tổ chức họp lấy ý kiến	Biên bản cuộc họp	10	
1.8	Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	10	
1.9	Cập nhật dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến góp ý	Dự thảo thông tư cập nhật	30	
1.10	Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	10	
1.11	Hoàn thiện dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến thẩm định	Dự thảo thông tư hoàn thiện	30	
1.12	Hoàn thiện Tờ trình và các tài liệu kèm theo trên cơ sở ý kiến thẩm định	Tờ trình và các tài liệu kèm theo	12	
1.13	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	10	

² Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

³ Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến.

2	Thẩm định dự thảo thông tư⁴ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định dự thảo thông tư)	Báo cáo Thẩm định	42	
3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư	Thông tư được ban hành	Tối đa 45	
3.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	5	
3.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		5	
3.3	Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao cho ý kiến về dự thảo thông tư	Văn bản thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ	35	
4	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng thông tư		15	
4.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	3	
4.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	3	
4.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	3	
4.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ ⁵)	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	4	
4.5	Phát hành thông tư (Phòng hành chính, Văn phòng Bộ)	Thông tư được phát hành	2	
II	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư	Thông tư được ban hành	210	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Hồ sơ dự thảo thông tư (gồm các sản phẩm tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)	Tối đa 134	

⁴ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

⁵ Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

1.1	Xây dựng dự thảo Tờ trình	Dự thảo Tờ trình	10	
1.2	Xây dựng dự thảo thông tư lần đầu	Dự thảo thông tư	30	
1.3	Rà soát, đánh giá đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	6	
1.4	So sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	6	
1.5	Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản	6	
1.6	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư ⁶	Văn bản tham gia ý kiến	10 ⁷	
1.7	Tổ chức họp	Biên bản cuộc họp	5	
1.8	Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	5	
1.9	Cập nhật dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến góp ý	Dự thảo thông tư cập nhật	25	

⁶ Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

⁷ Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.

1.10	Hoàn thiện dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến thẩm định	Dự thảo thông tư hoàn thiện	15	
1.11	Hoàn thiện Tờ trình và các tài liệu kèm theo trên cơ sở ý kiến thẩm định	Tờ trình và các tài liệu kèm theo	6	
1.12	Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	5	
1.13	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	5	
2	Thẩm định thông tư⁸ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	Báo cáo Thẩm định	25	
3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư	Thông tư được ban hành	Tối đa 38	
3.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	5	
3.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		5	
3.3	Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao cho ý kiến về dự thảo thông tư	Văn bản thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ	28	
4	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng thông tư		Tối đa 15	
4.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	2	
4.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	3	
4.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	3	
4.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ ⁹)	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	3	
4.5	Phát hành thông tư (Phòng hành chính, Văn phòng Bộ)	Thông tư được phát hành	2	

⁸ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

⁹ Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

III	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư	Thông tư được ban hành	105	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Hồ sơ dự thảo thông tư (gồm các sản phẩm tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)	Tối đa 66	
1.1	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	10	
1.2	Xây dựng dự thảo thông tư	Dự thảo thông tư	25	
1.3	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3	
1.4	So sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	3	
1.5	Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	2	

1.6	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư ¹⁰	Văn bản tham gia ý kiến	5 ¹¹	
1.7	Tổ chức họp lấy ý kiến	Biên bản cuộc họp	2	
1.8	Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	2	
1.9	Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	2	
1.10	Hoàn thiện dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến thẩm định	Dự thảo thông tư hoàn thiện	5	
1.11	Hoàn thiện Tờ trình và các tài liệu kèm theo trên cơ sở ý kiến thẩm định	Tờ trình và các tài liệu kèm theo	5	
1.12	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	2	
2	Thẩm định Thông tư¹² (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	Báo cáo Thẩm định	12	
3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư	Thông tư được ban hành	Tối đa 22	
3.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	3	
3.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		3	
3.3	Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao cho ý kiến về dự thảo thông tư	Văn bản thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ	16	
4	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng thông tư		Tối đa 5	

¹⁰ Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến

¹¹ Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.

¹² Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

4.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	0,5	
4.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	1	
4.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	1	
4.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ ¹³)	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	1	
4.5	Phát hành thông tư (Phòng hành chính, Văn phòng Bộ)	Thông tư được phát hành	0,5	
B	Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo¹⁴			
I	Mức chi cho xây dựng thông tư liên tịch quy định tại mục III Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15; thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư liên tịch trở lên		350	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo Thông tư liên tịch)¹⁵	Hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch	147	
2	Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch¹⁶		135	

¹³ Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

¹⁴ Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định không ban hành thông tư liên tịch đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp hoặc đã kết thúc năm tài chính mà thông tư liên tịch chưa được ban hành, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động là dự thảo các tài liệu.

¹⁵ Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì soạn thảo Thông tư quyết định, trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II.1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

¹⁶ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

3	Thẩm định thông tư liên tịch¹⁷ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)	Báo cáo Thẩm định	42	
4	Phê duyệt, ký ban hành thông tư	Thông tư được ban hành	12	
4.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	6	
4.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		6	
5	Chi cho công tác khác		Tối đa 14	
5.1	Chi cho công tác lập dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)		2	
5.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	2	
5.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	2	
5.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ ¹⁸)	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	6	
5.5	Phát hành thông tư liên tịch ¹⁹	Thông tư được phát hành	2	
II	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư liên tịch		210	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)	Hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch	87	
2	Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch²⁰		75	

¹⁷ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

¹⁸ Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

¹⁹ Phòng hành chính, Văn phòng Bộ

²⁰ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

3	Thẩm định thông tư liên tịch²¹ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)	Báo cáo Thẩm định	25	
4	Phê duyệt, ký ban hành thông tư	Thông tư được ban hành	10	
4.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	5	
4.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		5	
5	Chi cho công tác khác		Tối đa 13	
5.1	Chi cho công tác lập dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)		2	
5.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	2	
5.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	2	
5.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ ²²)	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	5	
5.5	Phát hành thông tư liên tịch ²³	Thông tư liên tịch được phát hành	2	
III	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư liên tịch bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư liên tịch		105	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)	Hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch	40	
2	Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch²⁴		37	

²¹ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

²² Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

²³ Phòng hành chính, Văn phòng Bộ

²⁴ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

3	Thẩm định thông tư liên tịch²⁵ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)	Báo cáo Thẩm định	12	
4	Phê duyệt, ký ban hành thông tư	Thông tư được ban hành	8	
4.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	4	
4.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		4	
5	Chi cho công tác khác		Tối đa 8	
5.1	Chi cho công tác lập dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)		1	
5.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	1	
5.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	1	
5.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ ²⁶)	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	4	
5.5	Phát hành thông tư liên tịch ²⁷	Thông tư liên tịch được phát hành	1	

²⁵ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

²⁶ Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

²⁷ Phòng hành chính, Văn phòng Bộ